

## HOSE 24/02/2014

VNINDEX	576.58	6.01	1.05%
KLGD	119,028,370	CP	
GTGD	1,968.48	Tỷ	
GTR NDTNN	-	37.43	Tỷ

CP Tăng giá	174	CP
CP Giảm giá	68	CP
CP Đứng giá	62	CP



## HNX 24/2/2014

HNXINDEX	81.66	1.49	1.85%
KLGD	70,883,432	CP	
GTGD	687.83	Tỷ	
GTR NDTNN	-	8.36	Tỷ

CP Tăng giá	183	CP
CP Giảm giá	49	CP
CP Đứng giá	147	CP



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	648.49	9.12	1.43%
HNX30	163.16	3.69	2.31%

## Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu BĐS và thông tin nói room giúp thị trường tăng điểm tích cực**
- ▶ **Thanh khoản duy trì ở mức tương đương với phiên cuối tuần**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2.700 tỷ đồng.
- ▶ **CPI cả nước tăng 0.55% trong tháng 2**  
Đây là mức tăng CPI thấp nhất trong 10 năm qua  
VOV Online
- ▶ **Tính đến 20/2, xuất khẩu gạo đạt hơn 411 nghìn tấn, trị giá gần 176 triệu USD**  
Riêng từ 1 - 20/2/2014, xuất khẩu gạo của cả nước đạt 104,109 tấn  
Thời báo Ngân hàng
- ▶ **G20 đặt mục tiêu tăng 2,000 tỉ đô la GDP**  
Với chiến lược này, IMF hy vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay sẽ đạt 3.7%  
Thời báo Kinh tế Sài Gòn
- ▶ **VNS: Lợi nhuận năm 2013 tăng mạnh**  
Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của VNS tăng 46% và đạt hơn 217.3 tỷ đồng  
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **HVG: Đặt kế hoạch lãi năm 2014 đạt 700 tỷ đồng**  
HVG dự kiến sẽ chào mua công khai 6 triệu cổ phiếu của AGF để tăng tỷ lệ sở hữu  
Đầu tư Chứng khoán

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,006,512	13.7	3.0	22.5%	11.4%
HNX	126,119	19.6	1.6	9.5%	4.1%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,132,631</b>	<b>14.7</b>	<b>2.9</b>	<b>21.4%</b>	<b>10.7%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,351	7.2	1.0	16.0%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,498	8.0	1.8	24.4%	18.2%	
Thép và sản phẩm thép	31,805	14.6	1.8	17.7%	7.1%	
Khai khoáng	12,463	45.1	4.9	3.8%	2.9%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,430	18.8	1.4	15.4%	9.4%	
Xây dựng	29,817	-	37.0	1.1	2.7%	1.3%
Máy công nghiệp	9,571	9.4	1.5	21.4%	12.9%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,061	13.2	1.6	16.9%	12.3%	
Lốp xe	7,061	8.8	2.4	30.2%	13.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	13,253	13.9	1.2	11.1%	5.6%	
Thực phẩm	208,744	23.4	5.4	24.4%	18.3%	
Dược phẩm	15,852	12.8	3.3	26.6%	17.2%	
Phần mềm	16,267	10.0	2.2	23.6%	9.9%	
Sản xuất & phân phối điện	22,984	7.6	1.3	19.5%	9.5%	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,194	12.4	4.5	39.9%	25.2%	
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	28.6	2.6	9.0%	2.2%	
Môi giới chứng khoán	22,020	18.8	1.3	8.0%	5.5%	
Ngân hàng	257,633	11.5	1.3	11.6%	0.9%	
Bất động sản	146,586	15.7	2.8	26.4%	6.4%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,681	9.4	1.9	21.3%	8.1%	

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

### CPI cả nước tăng 0.55% trong tháng 2

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước tháng 2 tăng 0.55% so với tháng 1/2014 và tăng 4.65% so với cùng kỳ tháng 2/2013. Trong số các nhóm hàng tăng giá của tháng 2 năm nay, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh nhất với 1.15% so với tháng 1, và tăng 3.34% so với cùng kỳ 2013. Còn lại, các nhóm hàng khác đều tăng dưới 1%. Riêng nhóm bưu chính viễn thông và nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng có chỉ số giá giảm so với tháng 1 lần lượt là 0.02% và 0.64%.

### Tính đến 20/2, xuất khẩu gạo đạt hơn 411 nghìn tấn, trị giá gần 176 triệu USD

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), từ 1 - 20/2/2014, xuất khẩu gạo của cả nước đạt 104,109 tấn, trị giá FOB 48.161 triệu USD, trị giá CIF 52.412 triệu USD. Lượng gạo xuất khẩu đạt thấp do nghỉ Tết kéo dài, tuy nhiên giá gạo xuất khẩu bình quân đạt gần 463 USD/tấn (FOB), cao hơn mức giá bình quân 415 USD/tấn của tháng 1. Lũy kế xuất khẩu gạo từ đầu năm đến ngày 20/2 đạt 411,364 tấn, trị giá FOB đạt 175.715 triệu USD, trị giá CIF đạt 206.568 triệu USD.

### G20 đặt mục tiêu tăng 2,000 tỉ đô la GDP

Bộ trưởng tài chính và Thống đốc ngân hàng trung ương các nước G20 ngày 23-2 bế mạc hội nghị tại Sydney, Úc đưa ra tuyên bố chung cam kết phấn đấu nâng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các nước thành viên thêm 2,000 tỉ đô la Mỹ trong 5 năm tới, đồng thời bổ sung thêm hàng chục triệu công ăn việc làm. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho biết chiến lược trên có thể đóng góp cho tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong 5 năm tới thêm 0.5 điểm phần trăm. IMF hy vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay và năm tới sẽ đạt các mức 3.7% và 3.9%.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

### CTS: Năm 2014, đặt kế hoạch lãi sau thuế tối thiểu 78 tỷ đồng

CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (HNX: CTS) vừa công bố Báo cáo thường niên 2013. Theo đó, năm 2014, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng tối thiểu 20% so với doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2013. Năm 2013, Công ty đạt hơn 65 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, với mục tiêu này, CTS đang kỳ vọng đưa lợi nhuận lên mức trên 78 tỷ đồng. Được biết, Tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2013, Chứng khoán Công thương cũng đặt kế hoạch tăng trưởng 20% so với con số thực hiện năm 2012.

### VNS: Lợi nhuận năm 2013 tăng mạnh

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của CTCP Ánh Dương Việt Nam-Vinasun (HOSE: VNS) tăng 46% và đạt hơn 217.3 tỷ đồng, cao hơn gần 24% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận tăng mạnh một phần là do doanh thu tăng, nhưng quan trọng hơn là chi phí lãi vay giảm đáng kể. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2013 đạt hơn 3,053 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2012; chi phí lãi vay giảm từ 104.4 tỷ đồng xuống còn 61.6 tỷ đồng. Tháng 11/2013, Vinasun đã đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) chốt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức 42% để tạo điều kiện cho việc chào bán riêng lẻ, đồng thời Vinasun cũng cho biết sẽ chào bán riêng lẻ 3 triệu cổ phần ngay trong quý IV/2013.

### HVG: Đặt kế hoạch lãi năm 2014 đạt 700 tỷ đồng

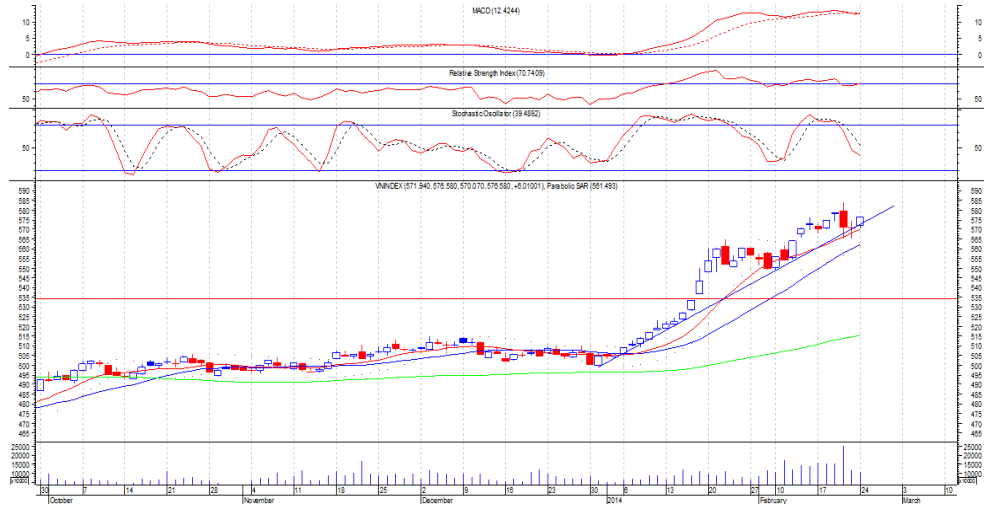
HĐQT CTCP Thủy sản Hùng Vương (HOSE: HVG) vừa thông qua kế hoạch năm 2014 với doanh thu thuần đạt 14,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 700 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra một số chỉ tiêu như tổng sản lượng nuôi trồng (cá nguyên liệu) 200 nghìn tấn; tổng sản lượng chế biến (fillet đông lạnh) 115 nghìn tấn và sản lượng xuất khẩu 100 nghìn tấn. Về cổ tức năm 2014, Công ty dự kiến sẽ trả 10% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu. HVG dự kiến sẽ chào mua công khai 6 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF) với giá 22.000 đồng/cổ phiếu với mục đích tăng tỷ lệ sở hữu tại AGF, tối đa hóa hiệu quả đầu tư và lợi ích của cổ đông HVG.

**HOSE** 24/02/2014 VNINDEX 576.58 6.01 1.05% 119,028,370 CP 1,968.48 bil VND

### Cổ phiếu BĐS và thông tin nói room giúp thị trường tăng điểm tích cực

VN-Index tăng 6.01 điểm (+1.05%), đóng cửa tại mức 576.58 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài vừa phải, tăng điểm trở lại nhưng vẫn chưa thể lấy lại được cây nến đã giảm ở phiên tuần trước.

- MA10, MA20 vẫn đi lên. Và sẽ trở thành vùng hỗ trợ khá tốt nếu VN-Index điều chỉnh.
- Tín hiệu MACD Histogram đi ngang sau khi cho tín hiệu bán ở phiên cuối tuần trước.
- Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống mạnh.
- RSI (14) giữ ở mức 71.



### HOSE Top 5 theo KLGD

HAG	0.3 (1.2%)	5,962,440
ITA	0.3 (4.0%)	5,913,290
SSI	1.2 (4.8%)	5,020,490
SAM	0.5 (4.5%)	4,992,720
IJC	0.9 (6.9%)	4,761,600

### HOSE Top 5 theo % tăng

HT1	0.6 (7.0%)	509,270
TTF	0.6 (7.0%)	2,158,360
CCI	0.8 (7.0%)	30
TDC	0.8 (7.0%)	1,675,370
TV1	0.8 (7.0%)	4,960

### HOSE Top 5 theo % giảm

HLG	-0.4 (-6.7%)	300
VNI	-0.2 (-5.9%)	9,190
C21	-1 (-5.3%)	10,190
DAG	-0.7 (-5.0%)	850
PXM	-0.1 (-5.0%)	482,910

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

IJC	17,3 tỷ	1,252,110
PVD	10,9 tỷ	138,280
MSN	10,3 tỷ	107,300
VCB	8,6 tỷ	297,000
NBB	8,3 tỷ	289,280

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-90,5 tỷ	3,614,270
KBC	-38,8 tỷ	3,092,000
DPM	-4,0 tỷ	89,150
CSM	-2,2 tỷ	52,510
DIG	-1,7 tỷ	91,270

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,887,260	- 37.43

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền hưng phấn trở lại nhờ những thông tin về gói hỗ trợ BĐS và thông tin về việc nói room khối ngoại. Đà tăng lan rộng đẩy VN-Index tăng điểm tích cực.
- ▶ Khối lượng giao dịch giảm mạnh xuống 112 triệu đơn vị. Đây là mức thấp hơn cả bình quân 20 phiên giao dịch. Tuy nhiên dòng tiền gia tăng khá mạnh ở phiên chiều.
- ▶ Xu hướng tăng điểm của VN-Index vẫn chưa bị phá vỡ, nên nếu có những thông tin hỗ trợ vào thời điểm này có thể sẽ tiếp tục giúp chỉ số này tăng điểm.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Tuy nhiên chưa có quá nhiều lo ngại vì lượng bán ròng vẫn khá yếu.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc, chọn lọc mua vào dần các mã đã điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ và có yếu tố cơ bản tốt, nâng tỷ lệ cổ phiếu lên nếu thanh khoản tiếp tục cải thiện.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	83.0	157,285.00	12.6	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	139.0	115,851.92	17.6	6.6	39.6%	30.7%
VIC	909.5	78.0	70,942.92	10.5	4.0	47.7%	10.3%
MSN	734.9	96.5	70,918.94	155.4	4.7	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	29.1	67,436.84	15.4	1.6	10.3%	1.0%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	9.2	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.7	46,947.08	10.8	1.4	13.7%	0.8%
BVH	680.5	46.3	31,505.83	28.6	2.6	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.4	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	80.0	22,020.65	10.2	2.1	22.3%	9.3%

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

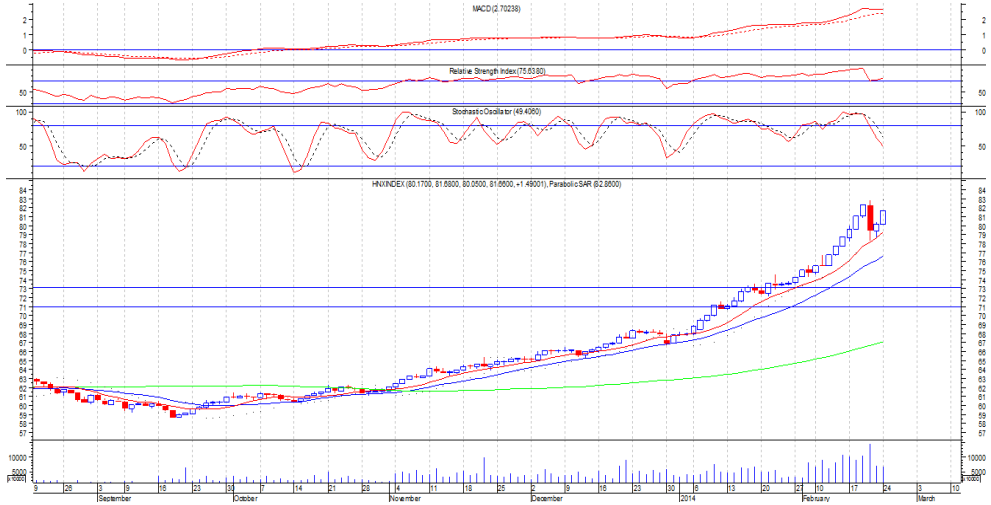
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.0	3,256.40	13.4	1.1	NA	TH.DOI
PPC	318.2	25.7	8,176.57	5.0	1.5	NA	TH.DOI
PHR	78.5	32.0	2,511.68	6.5	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	78.5	3,570.06	9.2	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	70.0	2,005.22	8.2	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	45.0	17,097.04	7.6	1.8	NA	TH.DOI

**HNX**      24/02/2014      HNX-Index      81.66      1.49      1.85%      70,883,432 CP      687.83 bil. VND

### Cổ phiếu BĐS và thông tin nói room giúp thị trường tăng điểm tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 1.49 điểm (+1.85%), đóng cửa tại mốc 81.66 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến khá dài, tăng điểm tích cực nhưng vẫn chưa thể cân bằng được cây nến giảm điểm mạnh tuần trước.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng và sẽ đóng vai trò hỗ trợ mạnh cho chỉ số này nếu điều chỉnh.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc
- MACD đi ngang trở lại, tuy nhiên khả năng cho tín hiệu bán vẫn còn nếu TT giảm điểm.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 76.



### HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.3 (7.7%)	14,055,140
VCG	1.1 (7.7%)	6,758,390
SCR	0.4 (4.7%)	5,053,670
KLS	0.5 (4.4%)	4,332,120
SHB	0.1 (1.2%)	4,224,650

### HNX Top 5 theo % tăng

CMI	1.7 (10.0%)	279,600
CMS	1.3 (10.0%)	166,600
HBE	0.7 (10.0%)	200
PVV	0.3 (10.0%)	237,000
VMC	1.5 (10.0%)	200

### HNX Top 5 theo % giảm

B82	-1.2 (-10.0%)	800
SDE	-0.8 (-10.0%)	4,100
PJC	-1.7 (-9.9%)	100
DNP	-1.8 (-9.7%)	1,600
L44	-0.7 (-9.3%)	7,700

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	4,1 tỷ	136,600
SHB	1,8 tỷ	207,700
VCG	1,1 tỷ	77,700
BCC	0,3 tỷ	39,000
PVL	0,3 tỷ	80,000

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

TC6	-1,0 tỷ	48,500
BVS	-0,5 tỷ	35,210
KLS	-0,2 tỷ	16,300
SCR	-0,1 tỷ	9,800
LBE	-0,1 tỷ	5,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	607,160	8.36

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền hưng phấn trở lại nhờ những thông tin về gói hỗ trợ BĐS và thông tin về việc nói room khỏi ngoại. Đà tăng lan rộng đẩy HNX-Index tăng điểm tích cực.
- ▶ Khối lượng giao dịch giảm mạnh xuống 68 triệu đơn vị. Thấp hơn so với bình quân 20 phiên. Nó cho thấy NĐT bắt đầu thận trọng trở lại, dù TT tăng điểm.
- ▶ Xu hướng tăng điểm của VN-Index vẫn chưa bị phá vỡ, nên nếu có những thông tin hỗ trợ vào thời điểm này có thể sẽ tiếp tục giúp chỉ số này tăng điểm.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên hôm nay. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ củng cố niềm tin của NĐT trong bối cảnh thị trường điều chỉnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc, chọn lọc mua vào dần các mã đã điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ và có yếu tố cơ bản tốt, nâng tỷ lệ CP lên nếu thanh khoản tiếp tục cải thiện.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.1	14,836.40	18.2	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	30.2	13,490.35	8.3	1.6	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	10.1	0.7	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.3	6,758.17	11.5	1.1	10.1%	2.1%
OCH	200.0	30.8	6,160.00	44.5	2.8	5.9%	2.2%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	13.4	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	46.8	3,642.54	8.1	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	68.5	2,968.65	10.3	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	27.9	2,813.09	9.4	1.2	12.7%	6.9%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.1	1,485.80	8.2	1.6	NA	TH.DOI
AAA	19.8	23.9	473.22	8.6	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.6	1,512.21	12.2	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	68.5	2,968.65	10.3	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	64.8	129.60	3.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	51.4	404.77	7.5	1.8	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	15.35%	96.5	155.39	4.67	231,952	311,292	281,353
VIC	HOSE	909.5	70,942.92	14.46%	78.0	10.50	3.97	235,022	311,841	242,468
HPG	HOSE	419.1	20,365.95	11.74%	48.6	10.19	2.10	448,400	652,330	498,010
PVD	HOSE	275.3	22,020.65	8.68%	80.0	10.17	2.10	333,414	386,659	362,173
DPM	HOSE	379.9	17,097.04	8.01%	45.0	7.62	1.81	947,513	1,034,241	602,021
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	7.98%	25.1	18.08	1.38	6,381,916	5,009,073	2,905,734
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	6.11%	29.1	15.44	1.56	808,201	1,160,190	850,725
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.41	1.38	564,570	785,045	415,213
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	3.08%	46.3	28.56	2.58	499,976	745,606	494,672
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	2.71%	7.8	101.40	0.69	10,408,128	9,845,864	6,944,012
HSG	HOSE	96.3	5,056.44	2.68%	52.5	8.56	2.06	310,742	383,650	322,809
GMD	HOSE	114.4	4,107.74	2.26%	35.9	29.60	0.92	676,869	589,495	530,323
PPC	HOSE	318.2	8,176.57	2.03%	25.7	4.95	1.50	1,445,300	1,371,803	1,412,688
VSH	HOSE	206.2	3,279.24	1.74%	15.9	16.33	1.26	1,373,316	1,415,102	1,111,560
CSM	HOSE	67.3	2,859.91	1.64%	42.5	7.74	2.29	858,280	832,984	679,033
KBC	HOSE	289.8	3,882.79	1.48%	13.4	55.39	0.95	2,019,472	1,650,541	1,136,366
DRC	HOSE	83.1	3,829.70	1.33%	46.1	9.94	2.70	574,978	537,975	348,537
PVT	HOSE	232.6	3,256.40	1.18%	14.0	13.44	1.13	3,789,772	2,871,045	2,598,784
DIG	HOSE	143.0	2,588.22	1.01%	18.1	55.34	1.06	1,505,161	1,178,728	946,443
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	0.91%	12.2	60.08	1.10	3,339,671	2,527,502	2,043,827
PET	HOSE	69.8	1,550.49	0.87%	22.2	9.70	1.25	1,598,756	1,059,505	887,276
SBT	HOSE	143.5	1,850.97	0.60%	12.9	7.33	1.00	504,214	360,037	308,151

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,490.35	8.04%	30.2	8.30	1.61	2,870,776	2,828,336	1,988,669
VIC	HOSE	909.5	70,942.92	7.80%	78.0	10.50	3.97	235,022	311,841	242,468
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	7.65%	29.1	15.44	1.56	808,201	1,160,190	850,725
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	7.23%	46.3	28.56	2.58	499,976	745,606	494,672
DPM	HOSE	379.9	17,097.04	6.97%	45.0	7.62	1.81	947,513	1,034,241	602,021
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	5.98%	20.6	10.41	1.38	564,570	785,045	415,213
PVD	HOSE	275.3	22,020.65	5.04%	80.0	10.17	2.10	333,414	386,659	362,173
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	3.72%	7.8	101.40	0.69	10,408,128	9,845,864	6,944,012
SHB	HNX	886.1	7,708.93	3.47%	8.7	10.07	0.74	12,163,071	9,196,168	5,224,883
PPC	HOSE	318.2	8,176.57	3.38%	25.7	4.95	1.50	1,445,300	1,371,803	1,412,688
OGC	HOSE	300.0	3,660.00	2.85%	12.2	60.08	1.10	3,339,671	2,527,502	2,043,827
GMD	HOSE	114.4	4,107.74	2.66%	35.9	29.60	0.92	676,869	589,495	530,323
HPG	HOSE	419.1	20,365.95	2.60%	48.6	10.19	2.10	448,400	652,330	498,010
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	2.25%	25.1	18.08	1.38	6,381,916	5,009,073	2,905,734
DRC	HOSE	83.1	3,829.70	1.93%	46.1	9.94	2.70	574,978	537,975	348,537
VCG	HNX	441.7	6,758.17	1.85%	15.3	11.51	1.11	5,845,168	4,191,287	2,811,768
PVX	HNX	400.0	1,680.00	0.00%	4.2	0.74	1.93	12,402,165	10,527,594	7,384,557

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.5	70,942.92	0.00%	78.0	10.50	3.97	235,022	311,841	242,468
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.00%	96.5	155.39	4.67	231,952	311,292	281,353
DPM	HOSE	379.9	17,097.04	0.00%	45.0	7.62	1.81	947,513	1,034,241	602,021
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	0.00%	25.1	18.08	1.38	6,381,916	5,009,073	2,905,734
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.00%	29.1	15.44	1.56	808,201	1,160,190	850,725
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.41	1.38	564,570	785,045	415,213
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.00%	46.3	28.56	2.58	499,976	745,606	494,672
CTG	HOSE	3,723.4	62,553.20	0.00%	16.8	9.24	1.16	1,350,807	1,190,415	778,579
GAS	HOSE	1,895.0	157,285.00	0.00%	83.0	12.62	4.67	510,611	585,543	448,151

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.81%	96.5	155.39	4.67	231,952	311,292	281,353
VIC	HOSE	909.5	70,942.92	0.55%	78.0	10.50	3.97	235,022	311,841	242,468
DPM	HOSE	379.9	17,097.04	0.26%	45.0	7.62	1.81	947,513	1,034,241	602,021
VCB	HOSE	2,317.4	67,436.84	0.20%	29.1	15.44	1.56	808,201	1,160,190	850,725
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.41	1.38	564,570	785,045	415,213
BVH	HOSE	680.5	31,505.83	0.10%	46.3	28.56	2.58	499,976	745,606	494,672

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,351	7.2	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,498	8.0	1.8	24.4%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,473	17.1	0.6	3.2%	2.7%
Sản xuất giấy	720	8.0	0.7	10.4%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	31,805	14.6	1.8	17.7%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,165	5.5	0.9	17.4%	3.9%
Khai khoáng	12,463	45.1	4.9	3.8%	2.9%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,430	18.8	1.4	15.4%	9.4%
Xây dựng	29,817	- 37.0	1.1	2.7%	1.3%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,365	7.9	1.2	18.6%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	461	5.0	0.9	20.4%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,715	10.5	1.0	8.7%	4.6%
Thiết bị điện	1,566	- 12.3	0.6	-1.0%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	37	21.1	0.5	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,571	9.4	1.5	21.4%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,431	- 3.1	0.9	8.7%	1.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,061	13.2	1.6	16.9%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,044	9.9	1.4	16.0%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,905	9.4	1.1	12.5%	4.8%
Đào tạo & Việc làm	227	26.3	0.7	4.6%	1.8%
Nhà cung cấp thiết bị	171	7.5	0.8	11.5%	5.0%
Chất thải & Môi trường	106	1.8	0.6	44.4%	19.6%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,026	22.6	1.6	16.5%	8.6%
Lốp xe	7,061	8.8	2.4	30.2%	13.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,566	8.0	1.3	15.8%	9.7%
Vang & Rượu mạnh	240	11.0	1.7	16.9%	12.1%
Đồ uống & giải khát	257	6.8	1.2	15.7%	10.6%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,253	13.9	1.2	11.1%	5.6%
Thực phẩm	208,744	23.4	5.4	24.4%	18.3%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	46	89.9	0.6	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,416	9.2	1.1	13.0%	5.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	154	3.9	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,116	8.5	1.6	19.0%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,280	11.7	1.8	16.3%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	750	- 6.0	1.1	-2.7%	3.3%

24 February 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,040	24.0	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	132	3.5	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	167	10.7	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	15,852	12.8	3.3	26.6%	17.2%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	302	40.9	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	653	18.3	1.1	12.0%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,648	9.9	1.7	19.2%	3.2%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,090	8.6	1.0	13.9%	8.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	105	7.7	2.4	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,598	48.5	2.8	5.6%	2.2%
Dịch vụ giải trí	2,033	19.1	1.7	13.9%	12.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,281	21.3	2.5	17.1%	14.8%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	46	10.8	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	551	18.1	0.7	3.6%	1.3%
Internet	259	48.8	0.6	1.3%	0.3%
Phần mềm	16,267	10.0	2.2	23.6%	9.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	353	17.6	0.5	3.3%	1.3%
Thiết bị văn phòng	249	5.0	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,322	14.1	0.7	5.3%	4.0%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,984	7.6	1.3	19.5%	9.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,194	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Nước	1,077	5.8	1.1	18.1%	12.9%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,358	11.3	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,576	11.5	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,823	9.4	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	28.6	2.6	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,540	60.1	1.1	-1.8%	-0.5%
Môi giới chứng khoán	22,020	18.8	1.3	8.0%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	257,633	11.5	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	146,586	15.7	2.8	26.4%	6.4%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.3	0.3%	0.1%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,681	9.4	1.9	21.3%	8.1%



- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.